

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 477/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Quý;
- Bà Lê Thị Tụ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1260/2023/TLST-DS ngày 15/12/2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9061/2024/QĐXXST-DS ngày 10/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10563/2024/QĐST-DS ngày 01/7/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 2 N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970.

Địa chỉ liên hệ: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền số: 4096/2024/UQ-TGD ngày 02/4/2024)

- Bị đơn: Ông Phan Thanh Q, sinh năm 1960.

Địa chỉ: T V, phường C, Quận A, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại Đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lã Ngọc M là Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 22/7/2009, ông Phan Thanh Q (sau đây gọi là Bị đơn) có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Nguyên đơn) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện

và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S). Căn cứ thu nhập của Bị đơn, Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074-8089 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích sử dụng: Tiêu dùng cá nhân. Mức lãi suất tại thời điểm vay là 2.15%/tháng.

Quá trình sử dụng thẻ, Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 75.457.860 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Bị đơn chỉ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 75.037.000 đồng. Số tiền này được áp dụng thanh toán theo thứ tự quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể: Các khoản phí và hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay, Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Bị đơn trả nợ nhưng Bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 16/01/2012, Nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của Bị đơn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn được công bố (tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng) đối với dư nợ chưa thanh toán tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời điểm chuyển nợ quá hạn, nợ gốc Bị đơn chưa thanh toán là 14.794.918 đồng.

Việc Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Do đó, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Bị đơn thanh toán ngay một lần toàn bộ tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/7/2024 là 87.629.717 đồng (Trong đó dư nợ gốc là 14.794.918 đồng, lãi quá hạn là 72.834.799 đồng) theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã tham gia ký kết. Bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục chịu tiền lãi từ ngày 30/7/2024 theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi Bị đơn hoàn tất nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đối với Nguyên đơn.

Ngày 01/7/2024, ông Lã Ngọc M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Phan Thanh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông Q vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp . phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bị đơn trả các khoản nợ tạm tính đến ngày 29/7/2024 là 87.629.717 đồng (Trong đó dư nợ gốc là 14.794.918 đồng, lãi quá hạn là 72.834.799 đồng) và trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2024 đến khi Bị đơn trả hết nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại T (nay là Võ Văn K), phường C, Quận A, Tp . nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Giấy ủy quyền số: 4096/2024/UQ-TGD ngày 02/4/2024 của Nguyên đơn ủy quyền cho ông Lã Ngọc M tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông M có đủ tư cách đại diện Nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ông Lã Ngọc M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập Bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng Bị đơn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

- *Đối với yêu cầu trả nợ gốc với số tiền 14.794.918 đồng:*

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có cơ sở xác định Bị đơn có ký với Nguyên đơn hợp đồng tín dụng và

được Ngân hàng đồng ý cấp Thẻ tín dụng số thẻ 472074-8089 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi Bị đơn dừng việc trả nợ cho Ngân hàng, từ ngày 15/9/2009 đến ngày 15/02/2012 Bị đơn vẫn thực hiện cách tính dư nợ gốc từng kỳ của Nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ nên theo thỏa thuận thì Nguyên đơn được phép tính số dư nợ của kỳ trả nợ trước (bao gồm tiền gốc, lãi và phí) thành dư nợ đến hạn mà Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán.

Tại bản sao kê ngày 29/7/2024 của Ngân hàng TMCP S cho thấy Bị đơn giao dịch thẻ tín dụng số: 472074-8089 bắt đầu từ ngày 15/9/2009 với số tiền 75.457.860 đồng. Tính đến ngày 29/7/2024, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền là 14.794.918 đồng.

Tại Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bên thỏa thuận như sau: *Tất cả giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo.*

Tại Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bên thỏa thuận như sau: *“Việc không thanh toán số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm của hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ dư nợ sẽ đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán”.*

Như vậy, việc Bị đơn không thanh toán số tiền còn lại đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện hoặc nhiều hành động sau: *“Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ”.* Vì vậy, Nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bị đơn là phù hợp với nội dung thảo thuận hai bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 14.794.918 đồng.

- *Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ lãi với số tiền là 72.834.799 đồng:*

Từ ngày 16/01/2012, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ thành tổng dư nợ quá hạn.

Tại Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: *Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ.*

Lãi suất được tính là 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.*

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi trên số dư nợ gốc với số tiền lãi suất 150% lãi suất trong hạn kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử là 72.834.799 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 30/7/2024 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phan Thanh Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/7/2024 là 87.629.717 đồng (trong đó dư nợ gốc là 14.794.918 đồng, lãi quá hạn là 72.834.799 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Phan Thanh Q có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 30/7/2024 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/7/2009 kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Thanh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.381.486 đồng (*Bốn triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 1.586.750 đồng (*Một triệu, năm trăm tám mươi sáu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0036347 ngày 26/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lan